

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

Bản án số: 49/2024/LĐ-ST

Ngày: 24-5-2024

V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố

hợp đồng lao động vô hiệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Bích Loan – Phó chủ tịch Hội khuyến học huyện Bến Lức;
- Ông Nguyễn Hoàng Nam – Trưởng phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Bến Lức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số:

64/2023/TLST-LĐ ngày 11/10/2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:

50/2024/QĐXXST-LĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Tuyết L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số B ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồng Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, N, thị trấn G, tỉnh Đắk Nông.

Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2023

- Bị đơn:

1. Bà Đỗ Thị Kim T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số B ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

2. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D.

Địa chỉ: Quốc lộ A, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc.

Địa chỉ: Số H, tuyến tỉnh Quốc Lộ A, Phường D, thị trấn T, tỉnh Long An.

(tất cả các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguồn đơn là bà Đỗ Thị Tuyết L do người đại diện theo ủy quyền là bà Hồng Thị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) và bà [Đỗ Thị Kim T1](#) là chị em ruột với nhau. Khoảng đầu năm 2010, bà [L](#) có cho bà [T1](#) mượn Chứng minh nhân dân số 301402528 để làm hồ sơ xin việc vào [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D](#) (sau đây gọi tắt là [Công ty D](#)) tại [huyện B, tỉnh Long An](#). Bà [T1](#) được nhận vào làm công nhân may tại công ty, nơi làm việc tại [ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An](#). Quá trình làm việc, bà [T1](#) được công ty đóng bảo hiểm từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010, tại Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072 mang tên [Đỗ Thị Tuyết L](#).

Trong thời gian này, bà [L](#) cũng làm công nhân tại [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên C](#) (Việt Nam), nơi làm việc [Khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh Long An](#). Tại đây, [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên C](#) (Việt Nam) đóng Bảo hiểm xã hội cho bà [L](#) từ tháng 5/2010 đến tháng 8/2023 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 8010020677. Sau đó, bà [L](#) xin nghỉ việc. Bà [L](#) đến Bảo hiểm xã hội [huyện B](#) rút bảo hiểm một lần, thì bà [L](#) mới biết là bà [L](#) có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trùng từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010 là 03 tháng của hai Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072 do bà [T1](#) làm tại [Công ty D](#) và Sổ bảo hiểm xã hội số 8010020677 do bà [L](#) tại [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên C](#) (Việt Nam).

Do đó, bà [L](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Vô hiệu Hợp đồng lao động giữa bà [Đỗ Thị Kim T1](#) (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên bà [Đỗ Thị Tuyết L](#)) và [Công ty D](#) được xác lập từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072.
2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072 cấp cho bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) do [Công ty D](#) nộp từ tháng 07/2010 đến tháng 9/2010 tại [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) thành tên bà [Đỗ Thị Kim T1](#).

Bà [L](#) đồng ý nộp luôn phần án phí sơ thẩm. Do bận công việc, nên bà [L](#) xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn là [Công ty D](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng đại diện [Công ty D](#) đều vắng mặt không có lý do. [Công ty D](#) cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà [L](#). Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Bị đơn bà [Đỗ Thị Kim T1](#) trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà [Đỗ Thị Kim T1](#) có mượn chứng minh nhân dân của bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) để xin vào làm việc tại [Công ty D](#). Bà [Đỗ Thị Kim T1](#) vào làm việc tại [Công ty D](#) từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010 thì nghỉ việc. Hiện tại, hợp đồng lao động giữa bà [T1](#) và [Công ty D](#) không còn. Bà [T1](#) thống nhất và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà [L](#). Trong vụ án này, bà [T1](#) không có yêu cầu khởi kiện gì, do bận công việc nên bà [T1](#) xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) có ý kiến trình bày tại Công văn số 785/BHXX-PQLT-ST ngày 11/04/2024 như sau:

Căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và dữ liệu chi trả chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD, BNN), [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) cung cấp các thông tin về thời gian đóng BHXH, BHTN của bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) từ tháng

7/2010 đến tháng 09/2010 trên sổ Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072 tại [Công ty D](#), địa chỉ [Quốc lộ A, Xã L, huyện B, tỉnh Long An](#) (kèm theo phụ lục bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN). Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An đến ngày 03/4/2024, bà [L](#) chưa hưởng chế độ BHXH 01 lần và chưa hưởng BHTN với thời gian đóng BHXH, BHTN nêu trên. Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký Hợp đồng lao động, Hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện Công văn 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của [Bộ L1](#) về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) sẽ thực hiện điều chỉnh nhân thân người lao động theo nội dung bản án đã tuyên.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đối với vụ án trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Bị đơn [Công ty D](#) không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng cịn lại thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 và Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xem xét đơn yêu cầu của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng:

[Công ty D](#) có ký kết hợp đồng lao động với bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) (người lao động thực tế là bà [Đỗ Thị Kim T1](#)), [công ty D](#) cho bà [L](#) theo Sổ Bảo hiểm xã hội số 8010025072 thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010. Tuy nhiên, khi bà [L](#) làm hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội một lần thì phát hiện bị trùng quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010, nguyên nhân bà [L](#) có cho bà [Đỗ Thị Kim T1](#) mượn giấy tờ cá nhân để vào [Công ty D](#) làm việc.

Xem xét Công văn số 785/BHXH-PQLT-ST ngày 11/04/2024 của [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) thì [Công ty D](#) đăng ký đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động có hồ sơ cá nhân tên [Đỗ Thị Tuyết L](#) từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010, [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) cấp Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072. Theo [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#), Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072 chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội 01 lần và chưa hưởng bảo hiểm thất nghiệp với thời gian đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp nêu trên. Như vậy, có 02 sổ bảo hiểm xã hội mang thông tin của bà [Đỗ Thị Tuyết L](#), trong đó [S1](#) bảo hiểm số 8010025072 tại [Công ty D](#) thời gian tham gia bảo hiểm xã hội liên tục từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010 và sổ Bảo hiểm xã hội số 8010020677 tại [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên C](#) thời gian tham gia từ tháng 5/2010 đến tháng 8/2023, nhận thấy khoản thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010 là trùng nhau. Do đó, có cơ sở xác định [Công ty D](#) có ký kết hợp đồng lao động với bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) nhưng người lao động làm việc thực tế là bà [Đỗ Thị Kim T1](#).

Xét thấy, việc bà [Đỗ Thị Kim T1](#) lấy thông tin cá nhân của bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) để ký kết hợp đồng lao động với [Công ty D](#) là vi phạm nguyên tắc trung thực theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Căn cứ các Điều 6, 7, 9, 26 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 17, 19, 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, 16, 49, 50, 220 Bộ luật Lao động năm 2019, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Đỗ Thị Tuyết L](#).

Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động giữa bà [Đỗ Thị Kim T1](#) (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà [Đỗ Thị Tuyết L](#)) với [Công ty D](#) trong thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010.

Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072 cấp cho bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) do [Công ty D](#) nộp từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010 tại [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) thành tên bà [Đỗ Thị Kim T1](#).

Bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) với [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một tỉnh vln C](#) (Việt Nam).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, bị đơn có trụ sở chính tại [huyện B, tỉnh Long An](#). Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”. Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xác định tư cách đương sự: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) khởi kiện bà [Đỗ Thị Kim T1](#) và [Công ty D](#) yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) (nhưng người tham gia lao động thực tế là bà [Đỗ Thị Kim T1](#)) với [Công ty D](#) từ tháng 07/2010 đến tháng 09/2010. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định bà [Đỗ Thị Kim T1](#) và [Công ty D](#) là bị đơn, Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà [Hong Thi T](#), bị đơn là bà [Đỗ Thị Kim T1](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. [Công ty D](#) đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[4] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng lao động được xác lập từ tháng 07/2010 đến tháng 09/2010 là trong giai đoạn Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002 và năm 2006 có hiệu lực thi hành. Do đó, pháp luật lao động được áp

dụng giải quyết là Bộ luật Lao động năm 1994 và các văn bản pháp luật có liên quan gồm Bộ luật Lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động giữa giữa bà [Đỗ Thị Kim T1](#) (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà [Đỗ Thị Tuyết L](#)) với [Công ty D](#) từ tháng 07/2010 đến tháng 09/2010, thấy rằng:

[6] Bà [L](#) xác định trong thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 09/2010, do không hiểu biết về kiến thức pháp luật và hoàn cảnh khó khăn, nên bà [L](#) có cho em gái là [Đỗ Thị Kim T1](#) mượn giấy tờ cá nhân để vào [Công ty D](#) làm việc (lý do khi đó bà [T1](#) chưa đủ 18 tuổi). Giữa bà [T1](#) và [Công ty D](#) có ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072, đến hết tháng 09/2010 bà [T1](#) nghỉ việc. Tuy nhiên, trong hợp đồng lao động và sổ bảo hiểm này đều đứng tên bà [L](#) chứ không phải tên bà [T1](#). Trong khoảng thời gian này, bà [L](#) cũng có làm công nhân tại [Công ty Tách nhiệm Hữu hạn Một tỉnh vln C](#) (Việt Nam) từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2011 và tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội số 8010020677, sau đó bà [L](#) nghỉ việc. Bà [L](#) đi làm hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội một lần thì phát hiện bị trùng quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng 07/2010 đến tháng 09/2010. Do đó, bà [L](#) đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [L](#) để bà [L](#) được hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự đều không xuất trình được hợp đồng lao động giữa bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) (người làm việc thực tế là bà [Đỗ Thị Kim T1](#)) và [Công ty D](#). [Công ty D](#) vắng mặt nên không có ý kiến đối với việc này. Tuy nhiên, theo Công văn số 785/BHXXH-PQLT-ST ngày 11/4/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thì căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách bảo hiểm thì tháng 7/2010, [Công ty D](#) đăng ký đóng bảo hiểm đối với người lao động có số hồ sơ cá nhân tên [Đỗ Thị Tuyết L](#), sinh ngày 25/08/1991, cấp Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072. Sổ bảo hiểm này là hoàn toàn khác với sổ bảo hiểm mà bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) được [Công ty Tách nhiệm Hữu hạn Một tỉnh vln C](#) (Việt Nam) đăng ký tham gia bảo hiểm tại [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) trong giai đoạn từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2011. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, hợp đồng lao động là cơ sở để người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Vì vậy, [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) vẫn bảo lưu nhân thân trên Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072 là của bà [Đỗ Thị Tuyết L](#). Như vậy, theo công văn này thì thực tế trong giai đoạn từ tháng 07/2010 đến tháng 09/2012 thì bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) (người lao động thực tế là bà [Đỗ Thị Kim T1](#)) có làm việc tại [Công ty D](#) và được [công ty D](#) đóng bảo hiểm đối với người lao động có số hồ sơ cá nhân tên [Đỗ Thị Tuyết L](#), sinh ngày 25/8/1991, cấp Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072.

[8] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) (người lao động thực tế là bà [Đỗ Thị Kim T1](#)) và [Công ty D](#) có ký hợp đồng lao động theo Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072. Bà [Đỗ Thị Kim T1](#) sử dụng giấy tờ cá nhân của bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) để làm việc tại [Công ty D](#), nên người đứng tên trong hợp đồng lao động là bà [L](#) và người thực tế làm việc tại [Công ty D](#) là bà [T1](#). Bà [T1](#) mượn giấy tờ cá nhân của bà [L](#) để giao kết hợp đồng lao động là vi phạm về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 6, 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm nguyên tắc trung thực theo quy định tại khoản

1 Điều 17 Bộ luật Lao động 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động 2019 thì đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[9] Về giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[10] Về Sổ bảo hiểm số 8010025072 mang tên [Đỗ Thị Tuyết L](#) tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An: Theo xác nhận của [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) thì [Công ty D](#) trong thời gian từ tháng 07/2010 đến tháng 09/2010 mang tên bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) (người làm việc thực tế là bà [Đỗ Thị Kim T1](#)). Tuy nhiên, quan hệ lao động này đã bị vô hiệu theo nhận định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của người lao động là bà [Đỗ Thị Kim T1](#) và bà [Đỗ Thị Tuyết L](#), đề nghị [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) căn cứ kết quả giải quyết của Tòa án điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072 cấp cho bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) do [Công ty D](#) nộp từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010 tại [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) thành tên bà [Đỗ Thị Kim T1](#). Bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) với [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên C](#) (Việt Nam).

[11] Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[12] Về án phí: Bà [L](#) tự nguyện chịu thay án phí cho [Công ty D](#) và bà [Đỗ Thị Kim T1](#). Do đó, buộc bà [L](#) phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 28 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 17, 19, 50 và 51 Bộ luật Lao động 2012; Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 220 Bộ luật Lao động 2019;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) đối với bị đơn là [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D](#) và bà [Đỗ Thị Kim T1](#) về yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động.

Vô hiệu Hợp đồng lao động giữa bà [Đỗ Thị Kim T1](#) (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà [Đỗ Thị Tuyết L](#)) và [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D](#) được xác lập từ tháng 07/2010 đến tháng 09/2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072. [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) căn cứ kết quả giải quyết của Tòa án điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội số 8010025072 cấp cho bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) do [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D](#) nộp từ tháng 7/2010 đến tháng 9/2010 tại [Bảo hiểm xã hội tỉnh L](#) thành tên bà [Đỗ Thị Kim T1](#).

Bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) với [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên C](#) (Việt Nam).

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà [Đỗ Thị Tuyết L](#) phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm

--

